*Tiết PPCT: 01*

*Tuần giảng* :

**CHƯƠNG I: MỆNH ĐỀ –TẬP HỢP**

**§1 MỆNH ĐỀ **

1. **Mục tiêu**
2. **Thái độ**

* Có tinh thần hợp tác, tích cực, tự tin trong giao tiếp.

1. **Kỹ năng**

* Nhận biết được mệnh đề, mệnh đề phủ định, mệnh đề kéo theo, mệnh đề đảo và mệnh đề tương đương.
* Kiểm tra được tính đúng sai của mệnh đề.

1. **Kiến thức**

* Học sinh phát biểu được khái niệm mệnh đề, nhận biết dược một câu có phải là mệnh đề hay không.

Nắm được các khái niệm mệnh đề phủ định, kéo theo.

Biết khái niệm mệnh đề chứa biến.

* Lấy được ví dụ về các loại mệnh đề.

1. **Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, hoạt động nhóm.

1. **Chuẩn bị của giáo viên và học sinh**
2. **Giáo viên**

* Phiếu học tập.

1. **Học sinh**

* Chuẩn bị bài mới.

1. **Đồ dùng dạy học và trang thiết bị cần sử dụng**

* Bảng, phấn.

1. **Tiến trình bài dạy**
2. **Ổn định lớp.**
3. **Dạy nội dung bài mới.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giáo viên** | **Học sinh** | **Nội dung** |
| ***Hoạt động 1: Khái niệm mệnh đề và mệnh đề chứa biến, phủ định của mệnh đề. ( 15 phút)*** | | |
| Từ các câu trả lời của HS, GV khái quát thành khái niệm mệnh đề. | HS nói 3 câu khẳng định đúng, 3 câu khẳng định sai và 3 câu không đúng cũng không sai.  HS nhắc lại khái niệm mệnh đề. | **1. Mệnh đề**  + Mệnh đề là một câu khẳng định đúng hoặc sai. |
| GV đặt câu hỏi.  Qua câu trả lời của HS, giáo viên giới thiệu khái niệm mệnh đề chứa biến. | HS trả lời câu hỏi *“ có phải 1 mệnh đề?”, “Khi nào nó là mệnh đề đúng, khi nào là mệnh đề sai?”*  từ đó tiếp cận khái niệm mệnh đề chứa biến.  HS lấy ví dụ về mệnh đề chứa biến. | **2. MĐ chứa biến**  Chưa là MĐ nhưng khi cho biến bằng một giá trị cụ thể thì nó trở thành MĐ  là mệnh đề chứa biến *n*. |
| GV phát biểu các mệnh đề HS đã lấy ở đầu tiết dưới dạng mệnh đề phủ định.  GV giới thiệu mệnh đề phủ định. | HS nhận xét về tính đúng sai của các mệnh đề cô vừa phát biểu so với mệnh đề mình lấy lúc đầu.  HS lấy ví dụ 1 mệnh đề và phát biểu mệnh đề phủ định của nó. | **3. Phủ định của mệnh đề**  + Mệnh đề phủ định của P kí hiệu là  Nếu P đúng thì  sai và ngược lại. |
| ***Hoạt động 2: Mệnh đề kéo theo, mệnh đề đảo, 2 mệnh đề tương đương (25 phút)*** | | |
| GV giao nhiệm vụ. Quan sát và gọi từng nhóm đọc luôn bài của nhóm.  Giới thiệu khái niệm mệnh đề kéo theo qua các kết quả HS vừa điền.  GV : Cho thêm vài tình huống về mệnh kéo theo đúng và mệnh đề kéo theo sai | HS chia nhóm 2 làm nhiệm vụ:  ***Cho mẫu “ Nếu P thì Q”. Tìm các mệnh đề P và Q điền vào mẫu.***  Xét tính đúng sai của các mệnh đề vừa lập | **4. Mệnh đề kéo theo** Cho hai mệnh đề P và Q. Mệnh đề “ Nếu P thì Q” được gọi là mệnh đề kéo theo.  Kí hiệu: PQ  đọc ”P kéo theo Q”, hay “Từ P suy ra Q”,  MĐ PQ chỉ sai khi P “Đ” và Q “S”  Các định lí toán học thừơng là những MĐ đúng và thương có dạng: PQ . Trong đó:  P: giả thuyết, Q: kết luận  P là điều kiện đủ để có Q hoặc  Q là ĐK cần để có P |
| GV đưa ra bài tập, cho học sinh trao đổi với bạn bên cạnh.  Hết giờ gọi HS lên bảng ghi.  Thông qua bài làm của HS, GV giới thiệu khái niệm điều kiện cần và điều kiện đủ | HS tiếp cận khái niệm điều kiện cần và đủ qua bài tập: *Nêu định lý về tính chất 2 tiếp tuyến cắt nhau, ghi GT, KL.*  HS ghi vở |  |
| GV giao nhiệm vụ, trong nhiệm vụ:  Câu hỏi 2 là để HS tiếp cận khái niệm mệnh đề đảo.  Câu hỏi 3 là để HS hình thành khái niệm mệnh đề tương đương.  Sau khi gọi các nhóm trình bày. GV khái quát để hình thành lên các khái niệm | HS tiếp cận khái niệm mệnh đề đảo, mệnh đề tương đương qua nhiệm vụ: Cho mệnh đề “*Nếu tam giác ABC có AB = AC thì tam giác cân tại A” có dạng .*  *1. Hãy tìm mệnh đề P và mệnh đề Q.*  *2. Phát biểu mệnh đề , mệnh đề này đúng hay sai?*  *3. Mệnh đề là đúng hay sai*  HS thảo luận theo nhóm 4.  HS ghi khái niệm vào vở. Lấy ví dụ minh họa. |  |

1. **Củng cố và nhắc nhở (5 phút):**

- Nhắc lại các khái niệm đã học

- xem lại các ví dụ, làm bài tập SGK trang 9, 10.

**4. Rút kinh nghiệm:**